TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2023
V/v: Xác định cha cho con chưa thành niên

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỹ

Bà Trần Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền Tr, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Số 15/313 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 129 đường Ph, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Đặng Thanh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 129 đường Ph, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-11-2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Phạm Thị Huyền Tr trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1992; cư trú tại: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 27-3-2018 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 10-10-2018. Sau khi sinh cháu B, chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị đã chuyển về thành phố N sinh sống. Từ đó, chị và anh C sống ly thân. Đến ngày 05-6-2023, chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh C. Bản án số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 19-9-2023 của Toà án nhân dân huyện X đã giải quyết ly hôn giữa chị và anh C, giao cháu Nguyễn Ngọc B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Năm 2021, chị gặp gỡ, có tình cảm và chung sống với Anh Đặng Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 129 đường Ph, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định. Ngày 11-10-2023, chị đăng ký kết hôn với Anh Đặng Thanh T tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố N. Đến ngày 25-10-2023 chị sinh một bé gái dự định đặt tên là Đặng An Nh (theo Giấy chứng sinh mã GCS: 10591.GCS.34333.23 ngày 25-10-2023 tại Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại A – Bệnh viện phụ sản An Đức, thành phố Th, tỉnh Thái Bình). Nay, chị yêu cầu Tòa án xác định Anh Đặng Thanh T là cha đẻ của cháu Đặng An Nh.

2. Tại bản tự khai ngày 22-11-2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Anh Đặng Thanh T trình bày:

Năm 2020, anh và chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 3/107 đường Tr, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10-02-2020.

Năm 2021, anh gặp gỡ, có tình cảm với Chị Phạm Thị Huyền Tr. Lúc đó, chị Trang chưa ly hôn Anh Nguyễn Đình C. Đến ngày 19-9-2023, Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn giữa chị Trang và anh C theo Bản án số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 19-9-2023. Ngày 11-10-2023, anh và chị Trang đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố N. Ngày 25-10-2023, chị Trang sinh một bé gái dự định đặt tên là Đặng An Nh (theo Giấy chứng sinh mã GCS: 10591.GCS.34333.23 ngày 25-10-2023 tại Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại A – Bệnh viện phụ sản An Đức, thành phố Th, tỉnh Thái Bình).

Nay anh xác định cháu Đặng An Nh là con đẻ của anh vì chị Trang mang thai cháu Nhiên trong thời gian chung sống với anh và cháu Nhiên sinh ra trong thời gian theo quy định của pháp luật được xác định là con chung của anh và chị Trang. Anh đề nghị Toà án xác định anh là cha đẻ của cháu Đặng An Nh để anh làm giấy khai sinh cho cháu.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc. Do đó, Anh Nguyễn Đình C không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

4. Ngày 09-11-2023 Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương nơi Anh Nguyễn Đình C sinh sống cung cấp: Anh Nguyễn Đình C, sinh

năm 1992; cư trú tại: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Đình C và Chị Phạm Thị Huyền Tr đã được Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn tháng 9-2023. Anh C và chị Trang có 01 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 10-01-2018.

5. Ngày 20-11-2023 Tòa án nhân dân thành phố N quyết định trưng cầu Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà HCMCC 249A Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội để giám định ADN của Anh Đặng Thanh T đối với cháu Đặng An Nh. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24-11-2023 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gestis Hà Nội xác định Anh Đặng Thanh T và cháu Đặng An Nh có quan hệ huyết thống cha – con.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N căn cứ vào Điều 21, khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 88, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Huyền Tr, xác định Anh Đặng Thanh T là cha đẻ của con Đặng An Nh.

Về án phí bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Huyền Tr có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết xác định Anh Đặng Thanh T là cha đẻ của con Đặng An Nh. Xét thấy, tranh chấp giữa Chị Phạm Thị Huyền Tr và Anh Đặng Thanh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về xác định CHA cho CON chưa thành niên theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Huyền Tr và cháu Đặng An Nh và bị đơn là Anh Đặng Thanh T cư trú tại: Số 129 đường Ph, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

1.3. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là Chị Phạm Thị Huyền Tr và bị đơn là Anh Đặng Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Đình C đã triệu tập đến phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử

vắng mặt chị Trang, anh Tú và anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Huyền Tr và Anh Đặng Thanh T đều thừa nhận có tình cảm và chung sống với nhau từ năm 2021 (trong thời gian Chị Phạm Thị Huyền Tr chưa ly hôn Anh Nguyễn Đình C). Trong thời gian chung sống với Anh Đặng Thanh T, Chị Phạm Thị Huyền Tr đã mang thai. Tháng 9-2023 chị ly hôn Anh Nguyễn Đình C. Ngày 11-10-2023, Chị Phạm Thị Huyền Tr và Anh Đặng Thanh T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố N. Ngày 25-10-2023, Chị Phạm Thị Huyền Tr sinh bé gái dự định đặt tên là Đặng An Nh tại Bệnh viện phụ sản An Đức, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Chị Phạm Thị Huyền Tr và Anh Đặng Thanh T xác định cháu Đặng An Nh, sinh ngày 25-10-2023 là con đẻ của Anh Đặng Thanh T. Lời khai của các đương sự phù hợp với Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24-11-2023 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền kết luận Anh Đặng Thanh T và cháu Đặng An Nh có quan hệ huyết thống CHA - CON. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Huyền Tr, xác định Anh Đặng Thanh T là cha đẻ của con Đặng An Nh, sinh ngày 25-10-2023.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là Anh Đặng Thanh T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 88, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định Anh Đặng Thanh T, sinh ngày 07-02-1986; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 036086029161 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28-6-2021; nơi cư trú: Số 129 đường Ph, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định là cha đẻ của con Đặng An Nh, giới tính: nữ; sinh ngày 25-10-2023, dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam (theo Giấy chứng sinh mã GCS: 10591.GCS.34333.23 ngày 25-10-2023 tại Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại A – Bệnh viện phụ sản An Đức, thành phố Th, tỉnh Thái Bình).

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, Chị Phạm Thị Huyền Tr hoặc Anh Đặng Thanh T có quyền yêu cầu cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và khai sinh, hộ tịch cho con Đặng An Nh theo quyết định của Tòa án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Huyền Tr, Anh Đặng Thanh T và Anh Nguyễn Đình C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND P. L, TP. N;
- UBND P. M, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang